BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2018/TT-BNV	*Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số 240
Ngày 17/1/18
Chuyển PVC (h)

THÔNG TƯ
Quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 2881/BTTTT-TCCB ngày 14/8/2017 về mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin và xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức – Viên chức;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.

Điều 1. Mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin

1. Chức danh An toàn thông tin	
a) An toàn thông tin hạng I	Mã số: V11.05.09
b) An toàn thông tin hạng II	Mã số: V11.05.10
c) An toàn thông tin hạng III	Mã số: V11.05.11
2. Chức danh Quản trị viên hệ thống	
a) Quản trị viên hệ thống hạng I	Mã số: V11.06.12
b) Quản trị viên hệ thống hạng II	Mã số: V11.06.13
c) Quản trị viên hệ thống hạng III	Mã số: V11.06.14
d) Quản trị viên hệ thống hạng IV	Mã số: V11.06.15
3. Chức danh Kiểm định viên công nghệ thông tin	
a) Kiểm định viên công nghệ thông tin hạng I	Mã số: V11.07.16

b) Kiểm định viên công nghệ thông tin hạng II Mã số: V11.07.17

c) Kiểm định viên công nghệ thông tin hạng III Mã số: V11.07.18

4. Chức danh Phát triển phần mềm

a) Phát triển phần mềm hạng I Mã số: V11.08.19

b) Phát triển phần mềm hạng II Mã số: V11.08.20

c) Phát triển phần mềm hạng III Mã số: V11.08.21

d) Phát triển phần mềm hạng IV Mã số: V11.08.22

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2018.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các Cục, Vụ, tổ chức thuộc Bộ;
- Trang thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, CCVC.

BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân